ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LÂU THƯỢNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số: 563a/TB-TCKT	*Lâu Thượng, ngày 07 tháng 7 năm 2023*

THÔNG BÁO
Niêm yết công khai tình hình thực hiện ngân sách quý II và 6 tháng đầu năm 2023

Căn cứ Luật chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã vệc công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý II và 6 tháng đầu năm 2023 xã Lâu Thượng.

UBND Xã Lâu Thượng thực hiện công khai ngân sách quý II và 6 tháng đầu năm 2023;

(Gồm quyết định, biểu và thuyết minh)

Với nội dung trên UBND xã Lâu Thượng thông báo niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Lâu Thượng, trang thông tin điện tử (http://lauthuong.vonhai.thainguyen.gov.vn/).

Thời gian niêm yết: Từ ngày 08 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 08 tháng 8 năm 2023.

Trong thời gian niêm yết các tập thể, cá nhân có khiếu nại phản ánh về UBND Xã Lâu Thượng qua đồng chí Hà Thị Kiều Trang - Công chức Tài chính - Kế toán, SĐT: 0978769119. Hết thời gian niêm yết nếu không có khiếu nại hay ý kiến gì, UBND xã sẽ thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:
- TT ĐU - HĐND TT;
- CT, PCT UBND TT;
- Lưu: Vp.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ LÂU THƯỢNG H.VÕ NHAI T.THÁI NGUYÊN

Trần Thanh Tùng

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ LÂU THƯỢNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 146/QĐ – UBND	*Lâu Thượng ngày 07 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách xã quý II và 6 tháng đầu năm 2023 UBND xã Lâu Thượng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN UBND XÃ LÂU THƯỢNG

Căn cứ Luật chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND huyện Võ Nhai về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Võ Nhai năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ - HĐND ngày 28/12/2022 của HĐND Lâu Thượng về việc phê chuẩn phân bổ dự toán ngân sách năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND UBND xã Lâu Thượng về việc phân bổ dự toán thu chi ngân sách xã năm 2023

Xét đề nghị của Văn phòng HĐND -UBND xã Lâu Thượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý II và 6 tháng đầu năm 2023 UBND xã Lâu Thượng xã được HĐND xã thông qua.

(Theo chi tiết các biểu kèm theo)

Điều 2. Giao cho Văn phòng UBND và Bộ phận tài chính xã thực hiện công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

Điều 3. Các ông (bà) Văn phòng HĐND-UBND, kế toán ngân sách, trưởng các ban ngành đoàn thể và các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 ;
- Đảng uỷ- HĐND;
- KBNN Võ Nhai;
- Phòng TC-KH huyện;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH

Trịnh Thanh Tùng

UBND Xã: Lâu Thượng

Biểu số 113/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**8.264.353.000**	**2.508.852.126**	**30,36**
1	**Các khoản thu xã hưởng 100 %**	**80.000.000**	**12.152.500**	**15,19**
2	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ**	**1.006.000.000**	**367.699.626**	**36,55**
3	Thu bổ sung	7.107.353.000	2.129.000.000	29,95
	- Bổ sung cân đối ngân sách	**4.777.000.000**	**1.194.000.000**	**24,99**
	- Bổ sung có mục tiêu	**2.330.353.000**	**935.000.000**	**40,12**
4	***Thu chuyển nguồn***	***71.000.000***		
II	**TỔNG SỐ CHI**	**6.807.821.000**	**2.137.903.096**	**31,40**
1	**Chi đầu tư phát triển**	**1.394.468.000**	**665.500.000**	**47,72**
2	**Chi thường xuyên**	**5.413.353.000**	**1.472.403.096**	**27,20**
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

UBND Xã: Lâu Thượng

Biểu số 114/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	**8.622.353.000**	**7.761.353.000**	**3.076.076.026**	**2.508.852.126**	**35,68**	**32,32**
I	**Các khoản thu 100%**	**80.000.000**	**80.000.000**	**12.152.500**	**12.152.500**	**15,19**	**15,19**
	Thu hồi các khoản chi năm trước						
1	Phí, lệ phí	50.000.000	50.000.000	12.152.500	12.152.500	24,31	24,31
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	30.000.000	30.000.000				
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**1.435.000.000**	**503.000.000**	**934.923.526**	**367.699.626**	**65,15**	**73,10**
1	Các khoản thu phân chia	145.000.000	75.000.000	19.619.523	7.534.957	13,53	10,05
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30.000.000		7.249.610		24,17	
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	35.000.000	35.000.000	2.700.000	2.700.000	7,71	7,71
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	80.000.000	40.000.000	9.669.913	4.834.957	12,09	12,09
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1.290.000.000	428.000.000	915.304.003	360.164.669	70,95	84,15
2.1	Thu tiền sử dụng đất	500.000.000	225.000.000	718.769.000	323.446.050	143,75	143,75
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	370.000.000		112.591.303		30,43	
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	405.000.000	203.000.000	76.551.079	36.718.619	18,90	18,09
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt	15.000.000		1.907.308		12,72	
2.8	Thuế XDTN						
2.9	Thu khác ngoài quốc doanh			5.485.313			

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**						
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		**71.000.000**				
VI	**Tăng thu**						
VII	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**7.107.353.000**	**7.107.353.000**	**2.129.000.000**	**2.129.000.000**	**29,95**	**29,95**
1	Thu bổ sung cân đối	4.777.000.000	4.777.000.000	1.194.000.000	1.194.000.000	24,99	24,99
2	Thu bổ sung có mục tiêu	2.330.353.000	2.330.353.000	935.000.000	935.000.000	40,12	40,12

UBND Xã: Lâu Thượng

Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**6.807.821.000**	**1.394.468.000**	**5.413.353.000**	**2.137.903.096**	**665.500.000**	**1.472.403.096**	**31,40**	**47,72**	**27,20**
	Trong đó:									
I	Chi đầu tư phát triển	1.394.468.000	1.394.468.000		665.500.000	665.500.000		47,72	47,72	
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.394.468.000	1.394.468.000		665.500.000	665.500.000		47,72	47,72	
2	Chi đầu tư phát triển khác									
3	Chi bồi thường GPMB									
II	Chi thường xuyên	5.413.353.000		5.413.353.000	1.472.403.096		1.472.403.096	27,20		27,20
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	721.000.000		721.000.000	262.300.300		262.300.300	36,38		36,38
	Chi dân quân tự vệ	437.102.000		437.102.000	191.426.300		191.426.300	43,79		43,79
	Chi trật tự an toàn xã hội	283.898.000		283.898.000	70.874.000		70.874.000	24,96		24,96
2	Chi giáo dục									
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4	Chi y tế									
5	Chi văn hóa, thông tin	31.000.000		31.000.000	15.690.000		15.690.000	50,61		50,61
6	Chi phát thanh, truyền thanh									
7	Chi thể dục, thể thao	22.000.000		22.000.000						
8	Chi bảo vệ môi trường									
9	Chi các hoạt động kinh tế	61.000.000		61.000.000	58.880.000		58.880.000	96,52		96,52
	Các hoạt động kinh tế khác	31.000.000		31.000.000	28.880.000		28.880.000	93,16		93,16
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	30.000.000		30.000.000	30.000.000		30.000.000	100,00		100,00
	Giao thông									
	Thị chính									
	Thương mại, du lịch									
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.389.000.000		4.389.000.000	1.107.281.796		1.107.281.796	25,23		25,23
	Ủy ban nhân dân	2.270.389.000		2.270.389.000	610.369.246		610.369.246	26,88		26,88
	Hội đồng nhân dân	353.000.000		353.000.000	68.749.300		68.749.300	19,48		19,48

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
11	Đảng Cộng sản Việt Nam	732.680.000		732.680.000	192.374.450		192.374.450	26,26		26,26
12	Các tổ chức chính trị đoàn thể	965.000.000		965.000.000	204.077.000		204.077.000	21,15		21,15
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	406.000.000		406.000.000	68.135.000		68.135.000	16,78		16,78
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	137.000.000		137.000.000	32.632.000		32.632.000	23,82		23,82
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	128.000.000		128.000.000	36.266.000		36.266.000	28,33		28,33
	Hội nông dân	145.000.000		145.000.000	33.486.000		33.486.000	23,09		23,09
	Hội Cựu chiến binh	149.000.000		149.000.000	33.558.000		33.558.000	22,52		22,52
13	Các hội đặc thù	130.284.000		130.284.000	31.711.800		31.711.800	24,34		24,34
	Hội người cao tuổi	45.000.000		45.000.000	6.196.400		6.196.400	13,77		13,77
	Hội Chữ thập đỏ	26.000.000		26.000.000	6.396.400		6.396.400	24,60		24,60
	Hội khuyến học	19.092.000		19.092.000	4.023.000		4.023.000	21,07		21,07
	Da cam va khuyến học	40.192.000		40.192.000	15.096.000		15.096.000	37,56		37,56
14	Chi cho công tác xã hội	127.000.000		127.000.000	28.251.000		28.251.000	22,24		22,24
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	117.000.000		117.000.000	28.251.000		28.251.000	24,15		24,15
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
	Trợ cấp xã hội									
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng									
	Khác	10.000.000		10.000.000						
16	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
17	Nộp trả ngân sách cấp trên									

UBND Xã: Lâu Thượng

Biểu số 113/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**8.264.353.000**	**5.506.101.825**	66,62
1	**Các khoản thu xã hưởng 100 %**	**80.000.000**	**20.476.500**	25,60
2	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ**	**1.006.000.000**	**616.035.501**	61,24
3	Thu bổ sung	7.107.353.000	4.521.353.000	63,62
	- Bổ sung cân đối ngân sách	**4.777.000.000**	**2.388.000.000**	49,99
	- Bổ sung có mục tiêu	**2.330.353.000**	**2.133.353.000**	91,55
4	***Thu chuyển nguồn***	***71.000.000***	***348.236.824***	*490,47*
II	**TỔNG SỐ CHI**	**6.807.821.000**	**3.619.561.661**	53,17
1	**Chi đầu tư phát triển**	**1.394.468.000**	**965.500.000**	69,24
2	**Chi thường xuyên**	**5.413.353.000**	**2.654.061.661**	49,03
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

UBND Xã: Lâu Thượng

Biểu số 114/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	**8.622.353.000**	**7.761.353.000**	**6.463.287.821**	**5.506.101.825**	**74,96**	**70,94**
I	**Các khoản thu 100%**	**80.000.000**	**80.000.000**	**20.476.500**	**20.476.500**	**25,60**	**25,60**
	Thu hồi các khoản chi năm trước						
1	Phí, lệ phí	50.000.000	50.000.000	19.476.500	19.476.500	38,95	38,95
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	30.000.000	30.000.000	1.000.000	1.000.000	3,33	3,33
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**1.435.000.000**	**503.000.000**	**1.573.221.497**	**616.035.501**	**109,63**	**122,47**
1	Các khoản thu phân chia	145.000.000	75.000.000	60.528.868	40.026.700	41,74	53,37
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30.000.000		7.501.670		25,01	
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	35.000.000	35.000.000	29.100.000	29.100.000	83,14	83,14
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	80.000.000	40.000.000	23.927.198	10.926.700	29,91	27,32
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1.290.000.000	428.000.000	1.512.692.629	576.008.801	117,26	134,58
2.1	Thu tiền sử dụng đất	500.000.000	225.000.000	1.043.939.000	469.772.550	208,79	208,79
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	370.000.000		238.313.571		64,41	
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	405.000.000	203.000.000	221.379.398	106.236.251	54,66	52,33
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt	15.000.000		2.718.462		18,12	
2.8	Thuế XDTN						
2.9	Thu khác ngoài quốc doanh			6.342.198			

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**			**348.236.824**	**348.236.824**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		**71.000.000**				
VI	**Tăng thu**						
VII	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**7.107.353.000**	**7.107.353.000**	**4.521.353.000**	**4.521.353.000**	**63,62**	**63,62**
1	Thu bổ sung cân đối	4.777.000.000	4.777.000.000	2.388.000.000	2.388.000.000	49,99	49,99
2	Thu bổ sung có mục tiêu	2.330.353.000	2.330.353.000	2.133.353.000	2.133.353.000	91,55	91,55

UBND Xã: Lâu Thượng

Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**6.807.821.000**	**1.394.468.000**	**5.413.353.000**	**3.619.561.661**	**965.500.000**	**2.654.061.661**	**53,17**	**69,24**	**49,03**
	Trong đó:									
I	Chi đầu tư phát triển	1.394.468.000	1.394.468.000		965.500.000	965.500.000		69,24	69,24	
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.394.468.000	1.394.468.000		965.500.000	965.500.000		69,24	69,24	
2	Chi đầu tư phát triển khác									
3	Chi bồi thường GPMB									
II	Chi thường xuyên	5.413.353.000		5.413.353.000	2.654.061.661		2.654.061.661	49,03		49,03
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	721.000.000		721.000.000	424.609.700		424.609.700	58,89		58,89
	Chi dân quân tự vệ	437.102.000		437.102.000	284.809.200		284.809.200	65,16		65,16
	Chi trật tự an toàn xã hội	283.898.000		283.898.000	139.800.500		139.800.500	49,24		49,24
2	Chi giáo dục									
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4	Chi y tế									
5	Chi văn hóa, thông tin	31.000.000		31.000.000	30.990.000		30.990.000	99,97		99,97
6	Chi phát thanh, truyền thanh									
7	Chi thể dục, thể thao	22.000.000		22.000.000	21.920.000		21.920.000	99,64		99,64
8	Chi bảo vệ môi trường									
9	Chi các hoạt động kinh tế	61.000.000		61.000.000	58.880.000		58.880.000	96,52		96,52
	Các hoạt động kinh tế khác	31.000.000		31.000.000	28.880.000		28.880.000	93,16		93,16
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	30.000.000		30.000.000	30.000.000		30.000.000	100,00		100,00
	Giao thông									
	Thị chính									
	Thương mại, du lịch									
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.389.000.000		4.389.000.000	2.061.159.961		2.061.159.961	46,96		46,96
	Ủy ban nhân dân	2.270.389.000		2.270.389.000	1.107.245.061		1.107.245.061	48,77		48,77
	Hội đồng nhân dân	353.000.000		353.000.000	143.245.700		143.245.700	40,58		40,58

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
11	Đảng Cộng sản Việt Nam	732.680.000		732.680.000	342.755.600		342.755.600	46,78		46,78
12	Các tổ chức chính trị đoàn thể	965.000.000		965.000.000	393.240.000		393.240.000	40,75		40,75
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	406.000.000		406.000.000	130.882.000		130.882.000	32,24		32,24
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	137.000.000		137.000.000	60.652.000		60.652.000	44,27		44,27
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	128.000.000		128.000.000	62.126.000		62.126.000	48,54		48,54
	Hội nông dân	145.000.000		145.000.000	78.965.700		78.965.700	54,46		54,46
	Hội Cựu chiến binh	149.000.000		149.000.000	60.614.300		60.614.300	40,68		40,68
13	Các hội đặc thù	130.284.000		130.284.000	74.673.600		74.673.600	57,32		57,32
	Hội người cao tuổi	45.000.000		45.000.000	31.992.800		31.992.800	71,10		71,10
	Hội Chữ thập đỏ	26.000.000		26.000.000	11.492.800		11.492.800	44,20		44,20
	Hội khuyến học	19.092.000		19.092.000	8.046.000		8.046.000	42,14		42,14
	Da cam va khuyến học	40.192.000		40.192.000	23.142.000		23.142.000	57,58		57,58
14	Chi cho công tác xã hội	127.000.000		127.000.000	56.502.000		56.502.000	44,49		44,49
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	117.000.000		117.000.000	56.502.000		56.502.000	48,29		48,29
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
	Trợ cấp xã hội									
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng									
	Khác	10.000.000		10.000.000						
16	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
17	Nộp trả ngân sách cấp trên									

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LÂU THƯỢNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 553/BC – UBND	*Lâu Thượng, ngày 06 tháng 7 năm 2022*

BÁO CÁO
Thuyết minh thu chi ngân sách Xã Lâu Thượng quý II và 6 tháng đầu năm 2023

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ vào tình hình kinh tế xã hội và kết quả thu chi ngân sách quý II và 6 tháng đầu năm 2023 Ủy ban nhân dân Xã Lâu Thượng báo cáo thuyết minh ngân sách cụ thể như sau:

I- Một số đặc điểm:

Diện tích: 4.000 ha, có 11 xóm.

Mục tiêu và nhiệm vụ kinh tế, tài chính trong năm ngân sách của xã:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy - HĐND - UBND xã và sự quan tâm chỉ đạo của cơ quan chuyên môn cấp trên, chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Lâu Thượng đã phấn đấu đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, từng bước xoá đói giảm nghèo, giáo dục, y tế được đầu tư phát triển, xã hội ổn định quốc phòng an ninh được giữ vững, phấn đấu thu các chỉ tiêu thu cân đối, thực hiện chi ngân sách theo đúng luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn thực hiện đáp ứng cơ bản nhu cầu chi cần thết để đảm bảo cho mọi hoạt động thường xuyên của xã cũng như các nhiệm vụ phát sinh đột xuất trong năm.

II. Tình hình ngân sách và tài chính quý II năm 2023 của xã:

1. Phần thu

-Tổng thu ngân sách nhà nước: 3.076.076.026đ.

-Tổng thu ngân sách xã: 2.508.852.126đ

Trong đó:

****Thu cân đối xã hưởng đạt: 379.852.126đ.***

+ Thu phí lệ phí : 12.152.500đ/50.000.000đ/đạt 24,31% KH.

+ Thu cấp quyền sử dụng đất: 323.446.050đ/225.000.000đ đạt 143,75% KH

+ Lệ Phí môn bài: 2.700.000đ/35.000.000đ đạt 7,71 %KH;

+ Lệ phí trước bạ nhà đất: 4.834.957đ/40.000.000đ đạt 12,09% KH

+ Thuế thu nhập cá nhân: 36.718.619đ/ 203.000.000đ đạt 18,09% KH

*** Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 2.129.000.000đ.**

+ Thu bổ sung cân đối: 1.194.000.000đ

+ Thu Bổ sung có mục tiêu: 935.000.000đ

2. Phần chi:

- Tổng chi ngân sách quý IInăm 2023: 2.137.903.096đ

+ Chi thường xuyên: 1.472.403.096đ

+ Chi đầu tư: 665.500.000đ

III. Tình hình ngân sách và tài chính 6 tháng đầu năm 2023 của xã:

1. Phần thu

- Tổng thu ngân sách nhà nước: 6.463.287.821đ.
- Tổng thu ngân sách xã: 5.506.101.825đ

Trong đó:

****Thu cân đối xã hưởng đạt: 636.512.001đ.***

+ Thu phí lệ phí : 19.476.500đ/50.000.000đ/đạt 38,95% KH.

+ Thu khác: 1.000.000đ/30.000.000đ đạt 3,33% KH

+ Thu cấp quyền sử dụng đất: 469.772.550đ/225.000.000đ đạt 208,79% KH

+ Lệ Phí môn bài: 29.100.000đ/35.000.000đ đạt 83,14%KH;

+ Lệ phí trước bạ nhà đất: 10.926.700đ/40.000.000đ đạt 27,32% KH.

+ Thuế thu nhập cá nhân: 106.236.251đ/ 203.000.000đ đạt 52,33% KH

*** Thu chuyển nguồn: 348.236.824đ**

*** Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:4.521.353.000đ.**

+ Thu bổ sung cân đối: 2.388.000.000đ

+ Thu Bổ sung có mục tiêu: 2.133.353.000đ

2. Phần chi:

+ Tổng chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023: 3.619.561.661đ

- Chi thường xuyên: 2.654.061.661đ
- Chi đầu tư: 965.500.000đ

3. Nguyên nhân tăng giảm thu, chi nhân sách xã:

Được sự lãng đạo, chỉ đạo của Đảng uỷ xã, thường trực Hội đồng nhân dân xã và các cơ quan chuyên môn cấp trên trong việc quản lý điều hành thu chi ngân sách:

Trong 6 tháng đầu năm 2023 mọi khoản thu đã được phản ánh kịp thời vào ngân sách nhà nước một số chỉ tiêu đạt và vượt chỉ tiêu thu ngân sách đề ra. Do công tác quản lý nguồn thu được chặt chẽ, sự chấp hành tốt của người dân, Hội đồng tư vấn thuế xã hoạt động tích cực một số khoản thu tại địa phương được nắm bắt khoản thu đầy đủ, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên tăng do trong năm có một số khoản thu bổ sung có mục tiêu phát sinh được bổ sung. Chi ngân sách đúng luật ngân sách nhà nước, công tác chi thường xuyên trong cân đối đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu thiết yếu cho mọi hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương giải quyết kịp thời, đầy đủ về chế độ chính sách cho cán bộ xã theo quy định.

III- Phân tích nguyên nhân, kiến nghị, đề xuất.

1. Nguyên nhân: Do ý thức tham gia nghĩa vụ nộp thuế của người dân được nâng cao. Do nhiệm vụ chi phát sinh nhiều đôi khi không đáp ứng được nhu cầu thiết yếu cho hoạt động của bộ máy chính quyền cấp xã và một số khoản chi phát sinh đột xuất trong năm.

2. Những kiến nghị đề xuất:

Trong quý 3 năm 2023 thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế xã hội trên địa bàn xã phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những yếu kém tồn tại.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, các cơ quan chuyên môn của huyện cùng với địa phương rà soát chống thất thu các khoản thu thuế để có nguồn thu đáp ứng nhiệm vụ chi các khoản cấp bách của địa phương khi cần thiết.

Trên đây là báo cáo thuyết minh thu chi ngân sách xã quý II và 6 tháng đầu năm 2023 của Ủy ban nhân dân Xã Lâu Thượng kính mong cơ quan cấp trên, cơ quan chuyên môn quan tâm hơn nữa trong việc quản lý điều hành thu, chi ngân sách xã./.

Nơi nhận :
-Phòng TC - KH;
-Đảng Uỷ-HĐND xã ;
-Chủ tịch, PCT UBND xã
-Lưu, VP, KT.

CHỦ TỊCH

Trịnh Thanh Tùng

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ LÂU THƯỢNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai thực hiện dự toán ngân sách quý II và 6 tháng đầu năm 2023 xã Lâu Thượng

Hôm nay vào hồi 8 giờ 00 ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại UBND xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên,

I. Thành phần:

1. Ông Lao văn Thắng, Bí thư Đảng ủy,
2. Ông Lường Văn Chiến, Phó Chủ tịch HĐND xã,
3. Ông Trịnh Thanh Tùng, Chủ tịch UBND xã.
4. Ông Hà Xuân Hiển, Phó chủ tịch UBND xã .
5. Ông Lý Văn Học- công chức VP TK xã,
6. Bà Hà Thị Kiều Trang, Công chức Tài Chính kế toán,

- Chủ trì: Ông Trịnh Thanh Tùng Chủ tịch UBND xã, Trưởng Bộ phận tài chính xã,
- Ghi biên bản: Hà Thị Kiều Trang, Công chức Tài Chính kế toán,

II. Nội dung: Lập biên bản niêm yết quyết định công khai thực hiện dự toán ngân sách quý II và 6 tháng đầu năm 2023 xã Lâu Thượng

Căn cứ thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách Nhà nước đối với các cấp Ngân sách. Thực hiện Nghị quyết số 30/NQ - HĐND ngày 28/12/2022 của HĐND Lâu Thượng về việc phê chuẩn phân bổ dự toán ngân sách năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã vệc công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý II và 6 tháng đầu năm 2023 xã Lâu Thượng.

Trước sự chứng kiến của các thành phần có tên trên, UBND xã lập biên bản niêm yết quyết định công khai thực hiện dự toán ngân sách quý II và 6 tháng đầu năm 2023 xã Lâu Thượng.

Thời gian niêm yết từ ngày 07/7/2023 đến hết ngày 07/8/2023.

Biên bản được lập thành 02, có giá trị pháp lý như nhau, *(01 bản lưu tại văn phòng HĐND - UBND và 01 bản lưu bộ phận Tài chính- kế toán xã Lâu Thượng)* đọc cho các thành phần có tên cùng nghe và nhất trí ký tên thực hiện./.

NGƯỜI LẬP	**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**	**UỶ BAN NHÂN DÂN**
Hà Thị Kiều Trang	**PHÓ CHỦ TỊCH** **Lường Văn Chiến**	**CHỦ TỊCH** **Trịnh Thanh Tùng**